

**SỞ NỘI VỤ TỈNH TUYÊN QUANG**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN**

**BỘ TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI  
CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-UBND  
ngày 15 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*

Năm 2022





2.5. Tiêu chí thành phần về Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC: Điểm tối đa 1.0.

Điểm đánh giá tính theo công thức:  $[(\text{Chỉ số hài lòng về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị} \times 1,0)] / (100\%)$ .

### 3. Tiêu chí về mức độ thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do HĐND cấp xã giao: Điểm tối đa 2

- a) 100% chỉ tiêu đạt và vượt: 2.
- b) Từ 90% - dưới 100% chỉ tiêu đạt và vượt: 1,5.
- c) Dưới 80% chỉ tiêu đạt và vượt: 0.

### 4. Tiêu chí về thực hiện thu ngân sách hàng năm của cấp xã theo Kế hoạch được UBND cấp huyện giao: Điểm tối đa 2

- a) Vượt chỉ tiêu từ 4% trở lên: 2.
- b) Vượt chỉ tiêu từ 2% - dưới 4%: 1,5
- c) Đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 2%: 1.
- d) Không hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0.

In 628 cuốn, khổ 14,8 x 21 cm tại Công ty Cổ phần phát triển công nghệ in Nguyên Khang, Lô C5-D5-12 cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Giấy phép xuất bản số 76/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 28 tháng 7 năm 2022. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2022.

## LỜI NÓI ĐẦU

*Cải cách hành chính là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

*Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, toàn diện công tác cải cách hành chính và đã đạt được nhiều kết quả: Nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, tổ chức về cải cách hành chính được nâng lên; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được phát huy; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.*

*Một trong những kết quả rõ nét nhất, đó chính là Chỉ số Cải cách hành chính (Par Index) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Sipas) hằng năm. Nếu như năm 2012 - năm đầu tiên thực hiện chấm điểm công tác CCHC, Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tỉnh Tuyên Quang đạt 68,91% và xếp thứ 55/63 tỉnh, thành phố, thì đến năm 2021, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang đạt 86,57% và xếp thứ 34/63 tỉnh, thành phố; tăng 17,66% và tăng 21 bậc so với năm 2012. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Sipas) năm 2021 đạt 86,27%; tăng 24,75% so với năm 2014 (Năm 2014: 61,52%). Chỉ số Cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Tuyên Quang được khẳng định qua thực tiễn là những công cụ có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến chỉ đạo, điều hành và kết quả công tác cải cách hành chính của tỉnh, góp phần đạt được những kết quả tích cực, quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Tuyên Quang nói riêng và đất nước nói chung.*

*Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính của tỉnh so với mục tiêu, yêu cầu đặt ra còn một số hạn chế.*



Chính vì vậy, để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính Nhà nước, xây dựng Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; giữ vững, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (Par Index), Chỉ số hài lòng (Sipas), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (Papi), góp phần đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khá toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 ban hành Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; trong đó triển khai nhóm nhiệm vụ, giải pháp thực hiện “Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn”, năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 ban hành Bộ tiêu chí chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Để kịp thời tuyên truyền Quyết định số 189/QĐ-UBND tới cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và phục vụ chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang biên soạn cuốn tài liệu tuyên truyền Bộ tiêu chí chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Xin trân trọng giới thiệu!

**SỞ NỘI VỤ TỈNH TUYÊN QUANG**

## **VIII. LĨNH VỰC 8: TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI**

**Có số điểm tối đa là 12,5 điểm; gồm 04 tiêu chí, 05 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:**

### **1. Tiêu chí về sự năng động, quyết tâm của lãnh đạo trong chỉ đạo, điều hành thực hiện CCHC tại UBND cấp xã: Điểm tối đa 2**

a) Công tác triển khai, đôn đốc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ CCHC tại UBND cấp xã: Điểm tối đa 1.

b) Tính kịp thời, chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC tại UBND cấp xã: Điểm tối đa 1.

### **2. Tiêu chí về sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ và giải quyết TTHC của UBND cấp xã: Điểm tối đa 6,5**

2.1. Tiêu chí thành phần về Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ: Điểm tối đa 1.

Điểm đánh giá tính theo công thức:  $[(\text{Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ} \times 1,0)] / (100\%)$

2.2. Tiêu chí thành phần về Chỉ số hài lòng về TTHC: Điểm tối đa 1,5.

Điểm đánh giá tính theo công thức:  $[(\text{Chỉ số hài lòng về TTHC} \times 1,0)] / (100\%)$

2.3. Tiêu chí thành phần 3 về Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC: Điểm tối đa 1,5.

Điểm đánh giá tính theo công thức:  $[(\text{Chỉ số hài lòng về CC giải quyết TTHC} \times 1,0)] / (100\%)$ .

2.4. Tiêu chí thành phần về Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC: Điểm tối đa 1,5.

Điểm đánh giá tính theo công thức:  $[(\text{Chỉ số hài lòng về giải quyết TTHC} \times 1,0)] / (100\%)$ .



### **3. Tiêu chí về tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): Điểm tối đa 4**

3.1. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI: Điểm tối đa 1,5.

a) Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1,5.

b) Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  $[(\text{Tỷ lệ \% số TTHC có phát sinh hồ sơ} \times 1,5)]/(50\%)$ .

3.2. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI: Điểm tối đa 1,5.

a) Từ 5% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5.

b) Dưới 5% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  $[(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI} \times 1,5)]/(5\%)$ .

3.3. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI: Điểm tối đa 1

a) Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.

b) Dưới 20% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  $[(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ BCCI} \times 1,0)]/(20\%)$ .

### **4. Tiêu chí về thực hiện chế độ báo cáo định kỳ: Điểm tối đa 1**

a) Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1.

b) Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời gian theo quy định: 0.

### **5. Tiêu chí về đánh giá tác động của cải cách hành chính đến hiện đại hóa hành chính: Điểm tối đa 3**

5.1. Tiêu chí thành phần về chất lượng trụ sở, phòng làm việc, trang thiết bị làm việc: Điểm tối đa 1,5.

5.2. Tiêu chí thành phần về chất lượng, hiệu quả ứng dụng CNTT, sử dụng thư điện tử, văn bản chữ ký số: Điểm tối đa 1,5.

## **I. LĨNH VỰC 1: CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)**

Có số điểm tối đa là 10,5 điểm; gồm 06 tiêu chí, 02 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:

### **1. Tiêu chí về thực hiện Kế hoạch CCHC: Điểm tối đa 1,5**

a) Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  $[(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành}) \times 1,5]/(100\%)$

b) Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0.

### **2. Tiêu chí về thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ: Điểm tối đa 1**

a) Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1.

b) Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời gian theo quy định: 0.

### **3. Tiêu chí về công tác kiểm tra CCHC: Điểm tối đa 2**

3.1. Tiêu chí thành phần về thực hiện tự kiểm tra CCHC trong nội bộ: Điểm tối đa 1.

a) Có triển khai kế hoạch và báo cáo kết quả tự kiểm tra: 1.

b) Không triển khai kế hoạch hoặc không có báo cáo tự kiểm tra: 0.

3.2. Tiêu chí thành phần về xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: Điểm tối đa 1.

a) Tất cả số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý: 1.

b) Tất cả số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 0,5.

c) Tất cả số vấn đề chưa xử lý: 0.

Điểm đánh giá được tính theo công thức:  $(b/a) \times 1,0 + (c/a) \times 0,5$ .

Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý; b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý; c là số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (có dự thảo). Trường hợp a = 0 đạt điểm tối đa.



#### 4. Tiêu chí về công tác tuyên truyền CCHC: Điểm tối đa 1

- a) Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0,5.
- b) Tuyên truyền nội dung CCHC qua các hình thức khác: 0,5.

#### 5. Tiêu chí về sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC: Điểm tối đa 3

- a) Có 02 sáng kiến/giải pháp mới: 3.
- b) Có 01 sáng kiến/giải pháp mới: 1,5.
- c) Không có sáng kiến/giải pháp mới: 0.

#### 6. Tiêu chí về thực hiện nhiệm vụ được UBND cấp huyện, Chỉ tịch UBND cấp huyện giao: Điểm tối đa 2

- a) Tất cả các nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ: 2.
- b) Tất cả các nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ: 1,5.
- c) Tất cả các nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành: 0.

Điểm đánh giá được tính theo công thức:  $(b/a) \times 2,0 + (c/a) \times 1,5$ .

Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao; b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ; c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.

## II. LĨNH VỰC 2: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KIỂM TRA, RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Có số điểm tối đa là 11 điểm; gồm 03 tiêu chí, 05 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:

#### 1. Tiêu chí về theo dõi thi hành pháp luật: Điểm tối đa 4,5

1.1. Tiêu chí thành phần về thực hiện các hoạt động về theo dõi, thi hành pháp luật: Điểm tối đa 2,5

- a) Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 1.
- b) Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0,75.
- c) Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0,75.

a) Tất cả số văn bản đi được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử: 2.

b) Tất cả số văn bản đi được gửi dưới dạng điện tử song song với văn bản giấy: 1.

c) Tất cả số văn bản đi được gửi dưới dạng văn bản giấy: 0.

Điểm đánh giá được tính theo công thức:  $(b/a) \times 2,0 + (c/a) \times 1,0$ .

Trong đó: a là tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật); b là số văn bản đi được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; c là số văn bản đi được gửi dưới dạng điện tử song song với văn bản giấy.

1.2. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ trên môi trường mạng: Điểm tối đa 1

a) Từ 60% đến 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng: 1.

b) Từ 30% đến dưới 60% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng: 0,5 .

c) Dưới 30% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng: 0.

#### 2. Tiêu chí về cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Điểm tối đa 2

2.1. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: Điểm tối đa 1

a) Từ 50% số TTHC trở lên: 1.

b) Dưới 50% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  $[(\text{Tỷ lệ \% số TTHC mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ} \times 1,0)] / (50\%)$ .

2.2. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4: Điểm tối đa 1

a) Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.

b) Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  $[(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4} \times 1,0)] / (20\%)$ .



**2. Tiêu chí về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định: Điểm tối đa 1,5**

- a) Đã ban hành đầy đủ, đúng quy định: 1,5.
- b) Chưa ban hành hoặc ban hành nhưng chưa đầy đủ theo quy định: 0.

**3. Tiêu chí về công khai tài chính: Điểm tối đa 1,5**

- a) Công khai đúng quy định: 1,5.
- b) Công khai chưa đảm bảo đúng quy định hoặc không công khai: 0.

**4. Tiêu chí về thực hiện báo cáo tài chính định kỳ: Điểm tối đa 1**

- a) Báo cáo đầy đủ nội dung và thời gian theo quy định: 1.
- b) Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0,5.
- c) Không thực hiện báo cáo: 0.

**5. Tiêu chí về tác động của cải cách đến quản lý tài chính công: Điểm tối đa 2**

5.1. Tiêu chí thành phần về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí: Điểm tối đa 1.

5.2. Tiêu chí thành phần về việc thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công: Điểm tối đa 1.

**VII. LĨNH VỰC 7: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**

**Có số điểm tối đa là 13 điểm; gồm 05 tiêu chí, 09 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:**

**1. Tiêu chí về ứng dụng công nghệ thông tin: Điểm tối đa 3**

1.1. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử của UBND cấp xã với các cơ quan, đơn vị trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Điểm tối đa 2

1.2. Tiêu chí thành phần về xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật: Điểm tối đa 2.

- a) Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 2.
- b) Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0.

**2. Tiêu chí về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật: Điểm tối đa 2,5**

- a) Có tổ chức kiểm tra, rà soát: 2,5.
- b) Không tổ chức kiểm tra, rà soát: 0.

**3. Tiêu chí về tác động của cải cách đến việc tổ chức thi hành văn bản QPPL của UBND cấp xã: Điểm tối đa 4**

3.1. Tiêu chí thành phần về tính kịp thời trong triển khai thực hiện VBQPPL: Điểm tối đa 1,5.

3.2. Tiêu chí thành phần về tính phù hợp, hiệu quả trong tổ chức triển khai thực hiện các VBQPPL: Điểm tối đa 1,5.

3.3. Tiêu chí thành phần về tính chủ động đề xuất các vướng mắc, bất cập trong tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL: Điểm tối đa 1.

**III. LĨNH VỰC 3: CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Có số điểm tối đa là 15,5 điểm; gồm 05 tiêu chí, 09 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:**

**1. Tiêu chí về công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ: Điểm tối đa 5**

1.1. Tiêu chí thành phần về công khai TTHC: Điểm tối đa 2,5

- a) 100% TTHC được niêm yết công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tại Bộ phận Một cửa: 2,5.
- b) Không được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0.

1.2. Tiêu chí thành phần về công khai tiến độ, kết quả giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) của tỉnh: Điểm tối đa 2,5.



- a) 100% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết: 2,5.
- b) Từ 80% - dưới 100% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết: 1,5.
- c) Dưới 80% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết: 0

**2. Tiêu chí về mức độ thực hiện rà soát và kiến nghị đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý: Điểm tối đa 1**

- a) Thực hiện rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hóa (trường hợp phương án kiến nghị được UBND tỉnh phê duyệt): 1.
- b) Thực hiện rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC (trường hợp phương án kiến nghị không được UBND tỉnh phê duyệt): 0,5.
- c) Thực hiện rà soát và không kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC: 0,25.
- d) Không thực hiện rà soát: 0.

**3. Tiêu chí về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND cấp xã: Điểm tối đa 3,5**

*3.1. Tiêu chí thành phần về trụ sở được bố trí ở vị trí thuận tiện, dễ tìm, diện tích phù hợp để thực hiện nhiệm vụ, quy mô diện tích phù hợp với số lượng giao dịch giải quyết tại Bộ phận Một cửa trong ngày: Điểm tối đa 0,5*

- a) Đảm bảo theo quy định: 0,5.
- b) Không đảm bảo theo quy định: 0.

*3.2. Tiêu chí thành phần về trang thiết bị của Bộ phận Một cửa được bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng đảm bảo thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, máy scan: Điểm tối đa 0,5*

- a) Đảm bảo theo quy định: 0,5.
- b) Không đảm bảo theo quy định: 0.

*3.3. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) của tỉnh: Điểm tối đa 1,5*

*1.6. Tiêu chí thành phần về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức: Điểm tối đa 2*

- a) Không có cán bộ cấp xã bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên: 1.
- b) Không có công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên: 1.

**2. Tiêu chí về thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong năm: Điểm tối đa 1**

- a) Cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch: 1.
- b) Không cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch: 0.

**3. Tiêu chí về đánh giá tác động của cải cách hành chính đến chất lượng cán bộ, công chức: Điểm tối đa 4**

*3.1. Tiêu chí thành phần về đánh giá về năng lực trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức: Điểm tối đa 1.*

*3.2. Tiêu chí thành phần về đánh giá về việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ, tác phong, lễ lối làm việc, tinh thần trách nhiệm: Điểm tối đa 1.*

*3.3. Tiêu chí thành phần về đánh giá hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ, công vụ: Điểm tối đa 1.*

*3.4. Tiêu chí thành phần về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của cán bộ, công chức: Điểm tối đa 1.*

**VI. LĨNH VỰC 6: CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**

**Có số điểm tối đa là 8 điểm; gồm 05 tiêu chí, 02 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:**

**1. Tiêu chí về thực hiện quy định về sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước: Điểm tối đa 2**

- a) Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 2.
- b) Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0.



10.2. Tiêu chí thành phần về tính công khai, minh bạch, hiệu quả của việc phân công nhiệm vụ đối với Lãnh đạo và công chức: Điểm tối đa 1.

## **V. LĨNH VỰC 5: CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**

**Có số điểm tối đa là 14,5 điểm; gồm 03 tiêu chí, 10 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:**

### **1. Tiêu chí về cán bộ, công chức cấp xã: Điểm tối đa 9,5**

*1.1. Tiêu chí thành phần về thực hiện cơ cấu cán bộ, công chức cấp xã theo vị trí chức danh: Điểm tối đa 1,5*

- a) Đúng quy định: 1,5.
- b) Không đúng quy định: 0

*1.2. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã: Điểm tối đa 1,5*

- a) 100% cán bộ đạt chuẩn: 1,5.
- b) Từ 80% - dưới 100% cán bộ đạt chuẩn: 0,5.
- c) Dưới 80% cán bộ đạt chuẩn: 0

*1.3. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã: Điểm tối đa 1,5*

- a) 100% công chức đạt chuẩn: 1,5.
- b) Từ 80% - dưới 100% công chức đạt chuẩn: 0,5.
- c) Dưới 80% công chức đạt chuẩn: 0.

*1.4. Tiêu chí thành phần về kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ cấp xã cuối năm: Điểm tối đa 1,5*

- a) 100% cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 1,5.
- b) Có cán bộ cấp xã không hoàn thành nhiệm vụ: 0.

*1.5. Tiêu chí thành phần về kết quả đánh giá, xếp loại công chức cấp xã cuối năm: Điểm tối đa 1,5*

- a) 100% công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 1,5.
- b) Có công chức cấp xã không hoàn thành nhiệm vụ: 0.

a) Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 1,5.

b) Dưới 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0.

*3.4. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ TTHC hoặc nhóm TTHC thuộc thẩm quyền được giải quyết theo hình thức liên thông (cùng cấp hoặc giữa các cấp chính quyền) đúng quy định: Điểm tối đa 1*

- a) 100% TTHC thuộc thẩm quyền: 1.
- b) Từ 50% - dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền: 0,5.
- c) Dưới 50% TTHC thuộc thẩm quyền: 0.

### **4. Tiêu chí về kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: Điểm tối đa 5**

*4.1. Tiêu chí thành phần về tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: Điểm tối đa 2*

a) Từ 95% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  $[(\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} * 2,0)] / (100\%)$ .

b) Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0.

*4.2. Tiêu chí thành phần về thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC: Điểm tối đa 1,5*

- a) Đầy đủ, đúng quy định: 1,5.
- b) Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0.

*4.3. Tiêu chí thành phần về đánh giá chất lượng hồ sơ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: Điểm tối đa 1,5.*

- a) Từ 80% -100% được đánh giá từ tốt trở lên: 1,5.
- b) Dưới 80% được đánh giá từ tốt trở lên: 0.

**5. Tiêu chí về xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (trường hợp cơ quan không phải thực hiện thì không đánh giá): Điểm tối đa 1**

- a) Tất cả kiến nghị đã được trả lời: 1.



b) Tất cả kiến nghị đang được trả lời: 0,5.

c) Tất cả kiến nghị chưa trả lời: 0.

Điểm đánh giá được tính theo công thức:  $(b/a) \times 1,0 + (c/a) \times 0,5$ .

Trong đó: a là tổng số PAKN phải trả lời; b là số PAKN đã được trả lời; c là số PAKN đang trả lời (có dự thảo). Trường hợp  $a = 0$  đạt điểm tối đa.

#### **IV. LĨNH VỰC 4: CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**

**Có số điểm tối đa là 15 điểm; gồm 10 tiêu chí, 02 tiêu chí thành phần cụ thể như sau:**

**1. Tiêu chí về thực hiện chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về cơ cấu tổ chức của UBND cấp xã: Điểm tối đa 1,5**

a) Thực hiện đúng quy định, kịp thời: 1,5.

b) Thực hiện đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 0,5.

c) Thực hiện không đúng quy định: 0.

**2. Tiêu chí về xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế làm việc của UBND cấp xã: Điểm tối đa 1**

a) Có ban hành và thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1.

b) Có ban hành nhưng chưa thực hiện đầy đủ, chưa đúng quy định hoặc không ban hành: 0.

**3. Tiêu chí về phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức cấp xã: Điểm tối đa 1,5**

a) Có ban hành quyết định phân công: 1,5.

b) Không ban hành quyết định phân công: 0.

**4. Tiêu chí về thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố đảm bảo quy mô hộ gia đình theo quy định: Điểm tối đa 2**

a) Từ 50% - 100% thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng quy định: 2.

b) Từ 20% - dưới 50% thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng quy định: 1.

c) Dưới 20% thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng quy định: 0.

**5. Tiêu chí về thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn: Điểm tối đa 1**

a) Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1.

b) Chưa thực hiện đầy đủ, chưa đúng quy định: 0.

**6. Tiêu chí về tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa: Điểm tối đa 2**

a) Từ 80% trở lên thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa: 2.

b) Từ 50% - dưới 80% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa: 1.

c) Dưới 50% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa: 0.

**7. Tiêu chí về thực hiện các quy định về phân cấp do cấp có thẩm quyền phân cấp cho UBND cấp xã: Điểm tối đa 1**

a) Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1.

b) Thực hiện không đầy đủ, chưa đúng quy định: 0.

**8. Tiêu chí về thực hiện tự đánh giá xếp loại chất lượng của UBND cấp xã hàng năm: Điểm tối đa 1**

a) Thực hiện đúng quy định: 1.

b) Thực hiện không đúng quy định: 0.

**9. Tiêu chí về sử dụng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: Điểm tối đa 2**

a) Sử dụng số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đúng quy định: 1.

b) Sử dụng số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố không đúng quy định: 0.

**10. Tiêu chí về đánh giá tác động của cải cách hành chính đến tổ chức bộ máy hành chính: Điểm tối đa 2**

10.1. Tiêu chí thành phần về tính phù hợp, hiệu quả của Quy chế làm việc của UBND cấp xã: Điểm tối đa 1.